

Lục Ngạn, ngày 26 tháng 7 năm 2024

Số: 22/2024/QĐST-DS

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NGẠN – TỈNH BẮC GIANG

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Tạ Văn Doanh;
- Ông Vũ Ngọc Côn.

Căn cứ vào các Điều 212; Điều 213; Điều 235; Điều 246; Điều 147; Điều 165 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 166; khoản 4 Điều 225; 357 Bộ luật dân sự 2015. Khoản 1 Điều 5; điểm c, khoản 1 Điều 10; Điều 100; Điều 101; Điều 102; Điều 105; Khoản 1 Điều 135 Luật đất đai 2013. Điểm c, khoản 1 Điều 5; Điều 6; khoản 1 Điều 9; Điều 59; 73; 74 Luật lâm nghiệp. Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 75/2023/TLST-DS ngày 12 tháng 10 năm 2023;

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Anh **Tổng Văn Đ**, sinh năm 1987

Chị **Tơ Thị Đ1**, sinh năm 1989

Đều địa chỉ: **Thôn C, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang.**

* **Bị đơn:** Ông **Trạc Văn Đ**, sinh năm 1952

Ông **Trạc Văn C**, sinh năm 1955

Ông **Bàng Văn H**, sinh năm 1962

Đều địa chỉ: **Thôn C, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang.**

*** Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Trạc Văn D, ông Bàn Văn H:** Luật sư Lê Văn T, văn phòng L1, đoàn Luật sư tỉnh B.

Địa chỉ: Số D, đường H, phường N, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Lê Thị Đ2, sinh năm 1952.

Đại diện theo uỷ quyền của bà Đ2: Ông Trạc Văn D, sinh năm 1952 (Theo văn bản uỷ quyền ngày 27/12/2023).

Đều địa chỉ: Thôn C, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

2. Bà Hoàng Thị T1, sinh năm 1960.

Đại diện theo uỷ quyền của bà T1: Ông Trạc Văn C, sinh năm 1955 (Theo văn bản uỷ quyền ngày 27/12/2023).

Đều địa chỉ: Thôn C, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

3. Bà Ninh Thị S, sinh năm 1961.

Đại diện theo uỷ quyền của bà S: Ông Bàn Văn H, sinh năm 1962.

Đều địa chỉ: Thôn C, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

4. UBND huyện L, tỉnh Bắc Giang - Đại diện theo pháp luật: Ông La Văn N - Chủ tịch; Đại diện theo uỷ quyền của ông La Văn N: Bà Phạm Thị H1 (Theo văn bản uỷ quyền số 6241/QĐ-UBND ngày 29/12/2023).

5. UBND xã Đ, huyện L - Đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Văn D1 - Chủ tịch; Đại diện theo uỷ quyền của ông Hoàng Văn D1: Ông Vũ Văn Q (Theo văn bản uỷ quyền số 53/QĐ-UBND ngày 24/7/2024).

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Vào ngày 22/7/2027 ông Trạc Văn D và bà Lê Thị Đ2 phải di dời toàn bộ các cây trồng, tài sản khác phát sinh (nếu có) để trả lại diện tích đất 12.939m² (Đất trồng rừng sản xuất) tại thôn C, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang cho vợ chồng anh Tống Văn Đ và chị Tư Thị Đ1 (từ các điểm B,C,F,G, H, I, J có sơ đồ kèm theo).

Vào ngày 22/7/2026 ông Trạc Văn C và bà Hoàng Thị T1 phải di dời toàn bộ các cây trồng, tài sản khác phát sinh (nếu có) để trả lại diện tích đất 4924m² (Đất trồng rừng sản xuất) tại thôn C, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang cho vợ chồng anh Tống Văn Đ và chị Tư Thị Đ1 (từ các điểm C,D,G, E, F có sơ đồ kèm theo).

Vào ngày 22/7/2026 ông Bàn Văn H và bà Ninh Thị S phải di dời toàn bộ các cây trồng, tài sản khác phát sinh (nếu có) để trả lại diện tích đất 6852m² (Đất trồng rừng sản xuất) tại thôn C, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang cho vợ chồng anh Tống Văn Đ và chị Tư Thị Đ1 (từ các điểm A, B, J, K, L có sơ đồ kèm theo).

(Toàn bộ diện tích đất các hộ phải trả cho vợ chồng anh Tống Văn Đ, chị Tư Thị Đ1 trên là thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành BM 041601, số vào sổ cấp GCN CH000267, Quyết định cấp số 956/QĐ-UBND ngày 16/7/2012 đứng tên hộ ông Tống Văn Đ vợ là Tư Thị Đ1).

Về chi phí tổ tụng:

Ông **Trạc Văn D** và bà **Lê Thị Đ2** phải trả cho anh **Tổng Văn Đ** và chị **Tơ Thị Đ1** số tiền 7.075.000đ (Bảy triệu không trăm bảy mươi năm nghìn đồng) tiền đã tạm ứng chi phí tố tụng.

Ông **Trạc Văn C** và bà **Hoàng Thị T1** phải trả cho anh **Tổng Văn Đ** và chị **Tơ Thị Đ1** số tiền 7.075.000đ (Bảy triệu không trăm bảy mươi năm nghìn đồng) tiền đã tạm ứng chi phí tố tụng.

Ông **Bàng Văn H** và bà **Ninh Thị S** phải trả cho anh **Tổng Văn Đ** và chị **Tơ Thị Đ1** số tiền 7.075.000đ (Bảy triệu không trăm bảy mươi năm nghìn đồng) tiền đã tạm ứng chi phí tố tụng.

VỀ ÁN PHÍ:

Ông **Trạc Văn D**, ông **Trạc Văn C**, ông **Bàng Văn H** đều được miễn án phí do đều thuộc diện người dân tộc thiểu số sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6.7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND Lục Ngạn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Linh